TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/8/2018
"*V/v tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Ngọc Tuyết.

2. Bà Lê Thị Thu Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình tham gia phiên toà: Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ma Thị H, sinh năm 1991 *(Có mặt).*

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: anh Ma Văn C, sinh năm 1989 *(Vắng mặt không có lý do).*

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/3/2018 và bản tự khai ngày 23/4/2018 nguyên đơn chị Ma Thị H trình bày: Chị và anh Ma Văn C chung sống với nhau từ năm 2011, hai bên được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối cưỡng ép và được cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Đến năm 2012 đăng ký kết hôn số 62 ngày 12/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung với bố mẹ chồng tại thôn N, xã T, huyện L,

tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu kết hôn chị H và anh C chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho tới năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Trong cuộc sống không có sự chia sẻ lẫn nhau và cũng đã được hai bên gia đình khuyên nhủ nhưng vẫn không khắc phục được. Anh C, chị H đã sống ly thân từ giữa năm 2016 cho đến nay. Chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, có chung sống cũng không hạnh phúc, do đó chị H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ma Văn C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Ma Thị L, sinh ngày 22/9/2012 (hiện nay cháu L đang ở cùng chị H). Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L và không đề nghị anh Ma Văn C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có tài sản chung và vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/4/2018, bị đơn anh Ma Văn C trình bày: Anh và chị Ma Thi H sống chung với nhau từ năm 2011, có được cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Năm 2012 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung số hạnh phúc cho đến tháng 1 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất hòa về quan điểm sống, không có sự sẻ chia lẫn nhau. Hiện nay chị H đề nghị được ly hôn anh C không nhất trí ly hôn, anh C muốn gia đình quay lại đoàn tụ với nhau vì tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: Anh C trình bày vợ chồng anh có một con chung tên là Ma Thị L, sinh ngày 22/9/2012. Anh C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C xác định không có tài sản chung và vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 23/4/2018: Anh C và chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như tại đơn khởi kiện và bản tự khai. Về hôn nhân chị Hoa yêu cầu ly hôn, anh Cảnh không nhất trí ly hôn. Về con chung nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được, chị Hoa yêu cầu nuôi con, phía bị đơn không nhất trí, anh xin được nuôi con.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã T, huyện L ngày 19/6/2018 cho thấy anh C và chị H có nhiều mâu thuẫn do hai bên tính tình không hợp, không quan tâm, chia sẻ lẫn nhau và đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, về con chung cháu L hiện đang ở cùng mẹ là chị H. Đại diện UBND xã cũng cho biết mức thu nhập thực tế của Chị H và anh C tại địa phương chủ yếu là làm nông nghiệp, thuộc diện hộ nghèo của xã T.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Ma Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Ma Văn C và đề nghị được nuôi con, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn Ma Văn C (vắng mặt tại phiên tòa) không có lý do nhưng anh đã thể hiện ý kiến, quan điểm của mình tại bản tự khai ngày 23/4/2018 và biên bản hòa giải ngày 23/4/2018 không nhất trí ly hôn, đề nghị được nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày việc tuyên theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn là đúng quy định, bị đơn được triệu lập hợp lệ hai lần nhưng không có mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 57, 68, 69, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28 và các Điều 227, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn anh Ma Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về tình cảm vợ chồng: Chị Ma Thị H và anh Ma Văn C kết hôn, phù hợp theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ lẫn nhau và đã sống ly thân từ giữa năm 2016 đến nay. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh C không nhất trí ly hôn chỉ nhằm mục đích ràng buộc lẫn nhau, cần áp dụng các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị H và anh C được ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh C có một con chung là cháu Ma Thị L, sinh ngày 22/9/2012. Hiện nay cháu L đang ở cùng chị H. Xét về điều kiện và hoàn cảnh của hai bên đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng cháu L còn nhỏ tuổi, là con gái nên cần được ở cùng với chị H để có sự chăm sóc của người mẹ mới đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em, do đó áp dụng các điều 68, 69, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; giao cho chị Ma Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ma Thị L, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo được các điều kiện về vật chất, tinh thần cũng như sự thuận lợi trong việc nuôi dưỡng, học tập, giáo dục của cháu. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung và vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Nguyên đơn chị Ma Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, tuy nhiên Chị H thuộc hộ nghèo của xã T và có đơn xin miễn án phí, áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử thấy cần miễn toàn bộ tiền án phí cho chị Ma Thị H.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 57, 68, 69, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28 và các Điều 227, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ma Thị H, bác yêu cầu xin đoàn tụ của anh Ma Văn C. Cho chị Ma Thị H được ly hôn với anh Ma Văn C. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Giao cháu Ma Thị L, sinh ngày 22/9/2012 cho chị Ma Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (Cháu L hiện nay đang ở cùng chị H). Anh Ma Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn*: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Ma Thị H.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/8/2018).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, VKSND tỉnh;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Bích Ngọc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Ngọc Tuyết **Lê Thị Thu Đông** **Đào Thị Bích Ngọc**